

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH LONG

Số: 1986/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Long, ngày 19 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng
xã Thanh Lương, Thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền Địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi một số điều của Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt Quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01:2021/BXD về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 4454:2012 Quy hoạch xây dựng nông thôn-Tiêu chuẩn thiết kế;

Căn cứ Quyết định số 363/QĐ-UBND ngày 01/03/2013 của Ủy ban nhân dân thị xã Bình Long về việc phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Thanh Lương, giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015, định hướng đến năm 2020;



Căn cứ Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Quy Chế quản lý kiến trúc đô thị Thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 1160/QĐ-UBND ngày 18/07/2023 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 Thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Công văn số 458/UBND-KT ngày 31/03/2022 của UBND thị xã Bình Long về việc thuận chủ trương khảo sát lập đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xã Thanh Lương;

Căn cứ Thông báo số 471/TB-UBND ngày 13/12/2022 của UBND thị xã Bình Long thông báo Kết luận của Phó Chủ tịch UBND thị xã – Đặng Hoàng Thái tại cuộc họp lấy ý kiến điều chỉnh quy hoạch chung xã Thanh Lương;

Căn cứ Quyết định số 1598/QĐ-UBND ngày 26/08/2022 của UBND thị xã Bình Long về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Thanh Lương, Thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Kết luận số 182-KL/TU ngày 06/09/2023 của Thị ủy Bình Long kết luận Hội nghị Ban Chấp Hành Đảng bộ thị xã lần thứ 25;

Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 16/05/2023 của HĐND xã Thanh Lương thông qua Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Thanh Lương, thị xã Bình Long;

Căn cứ Công văn số 343/SCT-NL, ngày 20/03/2023 của Sở Công Thương tỉnh Bình Phước về việc góp ý hồ sơ đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Thanh Lương, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Công văn số 594/STNMT-CCBVM, ngày 20/03/2023 của Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bình Phước về việc góp ý hồ sơ đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Thanh Lương, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Công văn số 824/SXD-QHKT, ngày 29/03/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Phước về việc góp ý đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Thanh Lương, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Công văn số 405/S.GTVT-HTGT, ngày 04/04/2023 của Sở Giao Thông Vận Tải về việc góp ý đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Thanh Lương, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Công văn số 603/BCH-TM, ngày 13/03/2023 của Bộ chỉ huy Quân Sự tỉnh Bình Phước về việc góp ý kiến quy hoạch chung xây dựng xã Thanh Lương, thị xã Bình Long;

Căn cứ Công văn số 8891/HT1-QLDA, ngày 27/03/2023 của Tổng công ty Xi Măng Việt Nam – Công ty CP Xi Măng VICEM Hà Tiên về việc góp ý kiến Hồ sơ đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Thanh Lương, thị xã Bình Long tầm nhìn đến 2035;

Căn cứ Công văn số 2621/SXD-QHKT, ngày 22/08/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Phước về việc góp ý đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Thanh Lương, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

Xét đề nghị của Phòng Quản lý đô thị tại Tờ trình số: 240/Tr-UBND, ngày 18/9/2023 về việc xin phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Thanh Lương, Thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Thanh Lương, Thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước, với các nội dung sau:

1. Vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch

- Vị trí: xã Thanh Lương nằm ở phía Bắc thị xã Bình Long.
- Phạm vi ranh giới lập quy hoạch là toàn bộ địa giới hành chính xã Thanh Lương, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước, với tứ cận được xác định như sau:
 - + Phía Đông: Giáp xã An Khương, huyện Hớn Quản và xã Thanh Phú, thị xã Bình Long;
 - + Phía Tây : Giáp xã An Phú, huyện Hớn Quản;
 - + Phía Nam : Giáp xã Thanh Phú, thị xã Bình Long;
 - + Phía Bắc : Giáp xã Lộc Thịnh và xã Lộc Khánh huyện Lộc Ninh.
- Quy mô lập quy hoạch: 5.258,87ha (52,59km²).

2. Quan điểm, mục tiêu, sự cần thiết quy hoạch

a. Quan điểm

Quy hoạch chung xây dựng đảm bảo các yêu cầu định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và các tiêu chí theo các quy định chuyên ngành phù hợp để phát triển xây dựng xã hướng đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao.

b. Mục tiêu, sự cần thiết

Cụ thể hóa các chủ trương, định hướng phát triển nông thôn của Quốc gia và của tỉnh Bình Phước cũng như thị xã Bình Long.

Cụ thể hóa Quy hoạch chung xây dựng thị xã Bình Long định hướng đến năm 2030.

Định hướng phát triển xây dựng các hệ thống điểm dân cư nông thôn với hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội tương xứng với tiêu chí đã đề ra.

Là cơ sở pháp lý cho việc lập đề án, dự án đầu tư xây dựng các công trình theo luật định phù hợp với tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao.

Là cơ sở pháp lý cho công tác quản lý kiến trúc, quản lý quy hoạch theo quy định của Nhà nước.

c. Tính chất, chức năng, động lực phát triển kinh tế chủ đạo

Hoàn thiện tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, định hướng phát triển không gian toàn xã, đảm bảo phát triển kinh tế địa phương, trong đó xác định không gian các khu vực xây dựng như sau:

+ Đối với khu trung tâm: chức năng chính của khu quy hoạch là trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa của xã với hệ thống hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ. Ngoài ra, trong khu quy hoạch còn có các khu dân cư, khu công viên cây xanh, TDTT, khu công trình dịch vụ công cộng khác....

+ Đối với các điểm dân cư nông thôn: chức năng chính là khu dân cư với hệ thống hạ tầng đồng bộ và đảm bảo bán kính phục vụ.

Kinh tế chủ yếu phát triển sản xuất nông nghiệp cùng với các mô hình sản xuất, trồng cây ăn quả, cây lâu năm. Phát triển các loại hình tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ phục vụ cho nông nghiệp và nhu cầu đời sống xã hội.

3. Quy mô dân số

Quy mô dân số đảm bảo theo các quy định hiện hành phù hợp với đất xây dựng hiện trạng và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương với tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Dân số dự báo theo giai đoạn quy hoạch:

+ Dân số đến năm 2030 khoảng 16.700 người;

+ Dân số đến năm 2035 khoảng 18.700 người,

4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

4.1. Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc

- Đất xây dựng công trình nhà ở : $\geq 25 \text{ m}^2/\text{người}$;
 - Đất công trình công cộng, dịch vụ : $\geq 5 \text{ m}^2/\text{người}$;
 - Đất cây xanh công cộng (toàn xã) : $\geq 2 \text{ m}^2/\text{người}$; (trong đó, đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn $\geq 4 \text{ m}^2/\text{người}$, theo tiêu chí quốc gia xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 (tại Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/03/2022 của thủ tướng chính phủ).

- Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật : $\geq 5 \text{ m}^2/\text{người}$.

- Đất nông, lâm ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phục vụ sản xuất tùy thuộc vào quy hoạch phát triển của địa phương.

4.2. Các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật

- Cấp nước : 100 lít/người.ngày đêm;

- Thoát nước : 80% lưu lượng nước cấp;

- Rác thải : 0,8kg/người.ngày đêm;

- Cấp điện : 400÷1000 KWh/hộ.năm;

- Thông tin liên lạc: Điện thoại cố định đạt mật độ 3 thuê bao/100 dân; Số thuê bao điện thoại di động (trả trước và trả sau) đạt mật độ 110 thuê bao/100

dân; Số thuê bao internet băng thông rộng (cố định và di động) đạt mật độ 32 thuê bao/100 dân.

5. Phân khu chức năng, định hướng tổ chức không gian xã:

- Tổ chức không gian tổng thể toàn xã có hệ thống, giúp đáp ứng được nhu cầu tối ưu hóa các diện tích sử dụng thông qua việc bố trí hợp lý không gian trung tâm, không gian các khu dân cư và không gian sản xuất.

- Không gian quy hoạch tổng thể được tổ chức gồm 01 khu trung tâm xã, 10 khu dân cư nông thôn tập trung,... Ngoài ra còn một phần dân cư sống rải rác trong các khu nông nghiệp (ở kết hợp với sản xuất nông nghiệp).

5.1. Định hướng tổ chức khu trung tâm:

- Khu trung tâm của xã hiện nay đã hình thành và xây dựng tương đối đầy đủ. Nằm trên trục đường chính quan trọng tuyến Quốc lộ 13, đây là khu vực trung tâm, tập trung các công trình hành chính, công cộng, dịch vụ chính của toàn xã: UBND xã, bưu điện, nhà văn hóa, sân thể thao, thư viện, trường học, trạm y tế, khu thương mại dịch vụ,... kết hợp với một khu cây xanh - vườn hoa sử dụng công cộng.

- Trung tâm của các điểm dân cư có thể bố trí chức năng điểm sinh hoạt cộng đồng, văn hóa kết hợp. Các khu vực với dân cư tập trung lớn bố trí thêm chức năng giáo dục, cây xanh, thể dục thể thao. Các chức năng được bố trí tập trung để tạo cảnh quan đồng bộ, xây dựng hạ tầng kỹ thuật đồng bộ nhằm đảm bảo khả năng phục vụ và tăng cường mỹ quan cho khu dân cư. Tuy nhiên, nếu không có điều kiện xây dựng tập trung thì cho phép xây dựng xen cài với khu dân cư hiện hữu, nhưng phải nghiên cứu, đề xuất giải pháp cho đồng bộ, hài hòa, không tranh chấp với khu vực hiện hữu.

- Các công trình công cộng được bố trí thuận tiện với các tuyến đường giao thông bộ để khoảng cách từ các công trình công cộng này đến các khu dân cư không quá xa, đảm bảo bán kính phục vụ trên toàn xã.

- Chợ được bố trí ở vị trí thuận tiện ngay cạnh tuyến giao thông chính, trên khu đất cao, dễ thoát nước. Cải tạo nâng cấp & mở rộng, có bãi xe, có nơi thu, chứa chất thải rắn trong ngày. Các cửa hàng dịch vụ tư nhân, cửa hàng dịch vụ do xã tổ chức cũng được bố trí ở khu trung tâm xã.

5.2. Định hướng tổ chức khu dân cư

- Các điểm dân cư nông thôn xã Thanh Lương dự kiến bao gồm dân cư hiện hữu và dân cư phát triển mới nằm liền kề với nhau.

- Chọn đất phát triển mạng lưới dân cư nông thôn tại xã Thanh Lương chủ yếu dựa trên mạng lưới hiện trạng dân cư hiện hữu của xã và dựa trên các định hướng quy hoạch sử dụng đất của Thị xã Bình Long cụ thể hơn là dựa trên nhu cầu phát triển sản xuất của người dân và cơ cấu kinh tế của xã trong giai đoạn phát triển từ nay đến năm 2035.

- Các khu vực có nền đất cao và không thuận lợi cho phát triển sản xuất nông nghiệp, canh tác không hiệu quả sẽ ưu tiên cho xây dựng dân cư.

- Đất xây dựng dân cư phải có đủ cơ sở để hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là giao thông, cấp điện và cấp nước nhằm bảo đảm các yêu cầu cấp thiết cho sinh hoạt và sản xuất của người dân cư ngụ trong hệ thống dân cư trên địa bàn toàn xã.

Bảng thống kê các điểm dân cư

STT	ĐIỂM DÂN CƯ	ĐẤT XÂY DỰNG (ha)	DÂN SỐ (người)	VỊ TRÍ (ẤP)
1	KHU TRUNG TÂM XÃ	40,0	3.000	Thanh Trung, Thanh Hòa, Thanh Tân
2	KHU DÂN CƯ SỐ 1	20,0	2.000	Thanh Tuấn, Thanh Kiều
3	KHU DÂN CƯ SỐ 2	40,0	3.300	Thanh Hưng, Thanh Tuấn, Thanh Thịnh
4	KHU DÂN CƯ SỐ 3	7,5	600	Thanh Thịnh
5	KHU DÂN CƯ SỐ 4	10,0	800	Thanh Thịnh, Thanh Hải
6	KHU DÂN CƯ SỐ 5	35,0	3.000	Thanh Kiều, Thanh Bình
7	KHU DÂN CƯ SỐ 6	9,0	800	Thanh Kiều, Thanh Hòa
8	KHU DÂN CƯ SỐ 7	8,0	700	Thanh Thiện
9	KHU DÂN CƯ SỐ 8	25,0	2.000	Thanh An, Sóc Giếng
10	KHU DÂN CƯ SỐ 9	12,0	1.000	Thanh An
11	KHU DÂN CƯ SỐ 10	8,0	500	Sóc Giếng, Phố Lố
12	DÂN CƯ RẢI RÁC (KHÔNG TẬP TRUNG)	31,5	1.000	
TỔNG		246,0	18.700	

5.3. Định hướng không gian sản xuất:

- Không gian sản xuất của xã được bố trí trên tổng thể khu quy hoạch; theo đó, phần đất nông nghiệp được tổ chức theo 2 dạng tập trung và phân tán. Phần diện tích đất nông nghiệp tập trung định hướng ngoài các khu trung tâm và các điểm dân cư nông thôn chủ yếu là cây lâu năm. Phần đất nông nghiệp phân tán trong các khu dân cư hiện hữu vẫn tiến hành đầu tư sản xuất nông nghiệp theo mô hình xen cài làng nông nghiệp sinh thái.

- Khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp với các mô hình sản xuất, trồng trọt ứng dụng công nghệ cao, phù hợp với địa hình, thổ nhưỡng. Phát triển các loại hình tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ phục vụ cho nông nghiệp và nhu cầu đời sống xã hội.

5.4. Định hướng các công trình công cộng dịch vụ xã:

a. Công trình trụ sở cơ quan:

- Khu trung tâm hành chính xã (trụ sở làm việc HĐND, UBND, ...), giữ nguyên hiện trạng vị trí tuyến đường Quốc lộ 13, thuộc địa bàn ấp Thanh Hòa.

- Khu Quân sự (Đại đội C70) giữ nguyên hiện trạng vị trí đường Quốc lộ 13, thuộc địa bàn ấp Thanh Kiều.

- Xây dựng mới khu trụ sở công an xã, vị trí trên tuyến đường TL T23, thuộc địa bàn ấp Thanh Kiều.

b. Công trình y tế:

- Trạm y tế xã giữ nguyên hiện trạng vị trí nằm cặp tuyến Quốc lộ 13 thuộc ấp Thanh Trung.

c. Các công trình giáo dục:

- Các công trình giáo dục hiện có trên địa bàn xã vẫn đáp ứng cho nhu cầu trong tương lai... Cần hoàn thiện đầu tư cơ sở vật chất trong thời gian tới.

- Xây dựng 01 trường Mầm Non tại vị trí ấp Thanh An để đảm bảo bán kính phục vụ.

d. Công trình văn hóa - thể dục thể thao:

- Trung tâm VH-TDTT xã giữ nguyên hiện trạng vị trí tuyến đường Quốc lộ 13, thuộc địa bàn ấp Thanh Trung; trong đó có: phòng truyền thống, Thư viện, Hội trường.

- Nâng cấp, mở rộng nhà văn hóa ấp Cần Lê đảm bảo quy mô diện tích theo quy định; Các nhà văn hóa ấp còn lại đã đảm bảo quy mô diện tích ... trong tương lai cần hoàn thiện đầu tư cơ sở vật chất.

- Xây dựng mới nhà văn hóa xã, thư viện, sân vận động xã, đảm bảo phục vụ cho toàn xã với hình khối kiến trúc kết hợp nét truyền thống và hiện đại, tạo điểm nhấn chính trong không gian khu trung đơn vị ở và trung tâm xã.

e. Cây xanh - công viên, vườn hoa:

- Quy hoạch Xây dựng mới 04 khu công viên, cây xanh tập trung tại ấp Thanh Trung, Thanh An, ấp Sóc Giếng và ấp Phổ Lổ, phục vụ cho nhu cầu toàn xã.

- Bố trí các khu cây xanh vườn hoa sân chơi trong các điểm dân cư tập trung với quy mô tối thiểu $4m^2/người$ (vị trí cụ thể sẽ triển khai trong quá trình lập quy hoạch chi tiết hoặc lập dự án).

- Xây dựng mới sân thể thao ấp phục vụ cho nhu cầu trong tương lai và đảm bảo mỗi ấp đều có sân thể thao với quy mô khoảng $0,2ha/sân$. (vị trí cụ thể sẽ triển khai trong quá trình lập quy hoạch chi tiết hoặc lập dự án).

f. Bưu chính viễn thông:

- Bưu điện xã giữ nguyên hiện trạng vị trí đường Quốc lộ 13 thuộc địa bàn ấp Thanh Trung.

g. Công trình thương mại, dịch vụ - Chợ:

- Chợ xã Thanh Lương giữ nguyên hiện trạng vị trí tuyến đường Quốc lộ

13, thuộc địa bàn ấp Thanh Trung. Trong thời gian tới cần đầu tư nâng cấp và mở rộng, đảm bảo các quy định về bảo vệ môi trường.

- Xây dựng khu dịch vụ chức năng dịch vụ nông thôn hỗ trợ phát triển nông nghiệp trong tương lai.

h. Công trình tôn giáo, tín ngưỡng:

- Diện tích sử dụng đất tôn giáo tín ngưỡng sẽ quy hoạch theo hiện trạng.

i. Nghĩa trang:

- Xã Thanh Lương sử dụng nghĩa trang chung của thị xã Bình Long, tại ấp Sóc Giếng. Bố trí dải an toàn môi trường đảm bảo phạm vi cách ly 300m theo Quy chuẩn Việt Nam về xây dựng. Định hướng mở rộng nghĩa trang thị xã thêm 16,84ha nhằm di dời các khu mộ nhỏ lẻ về nghĩa trang tập trung để bảo vệ môi trường và tôn tạo cảnh quan.

Bảng tổng hợp quỹ đất xây dựng công cộng dịch vụ (xã)

TT	Hạng mục	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (ấp)	Ghi chú
I	Đất Khu trụ sở cơ quan	5,78		
1.1	Đất khu hành chính xã	0,38	Thanh Hòa	Hiện hữu
1.2	Đất quân sự	4,68	Thanh Kiều	Hiện hữu
1.3	Đất công an	0,72	Thanh Kiều	Định hướng
II	Đất Công trình giáo dục	5,80		
2.1	Đất Trường TH-THCS Thanh Lương	2,12		
2.1.1	Khu tiểu học Trường TH-THCS Thanh Lương	0,58	Thanh Hòa	Hiện hữu
2.1.2	Điểm lẻ Trường TH-THCS Thanh Lương	0,31	Thanh Hải	Hiện hữu
2.1.3	Khu THCS Trường TH- THCS Thanh Lương	1,23	Thanh Hòa	Hiện hữu
2.2	Đất Trường tiểu học	1,85		
2.2.1	Trường Tiểu học Thanh Lương B (điểm chính)	0,66	Thanh Bình	Hiện hữu
2.2.2	Điểm lẻ Trường tiểu học Thanh Lương B	0,14	Thanh Thiện	Hiện hữu
2.2.3	Điểm lẻ Trường tiểu học Thanh Lương B	0,63	Sóc Giếng	Hiện hữu
2.2.4	Trường tiểu học Nguyễn Bá Ngọc (điểm chính)	0,34	Thanh Tuấn	Hiện hữu
2.2.5	Trường tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	0,08	Thanh Tuấn	Hiện hữu
2.3	Đất Trường mầm non	1,83		
2.3.1	Trường mầm Non Thanh Lương (điểm cũ)	0,32	Thanh Hòa	Hiện hữu
2.3.2	Trường mầm Non Thanh Lương (điểm chính)	0,78	Thanh Hòa	Hiện hữu
2.3.3	Điểm lẻ Trường mầm Non Thanh Lương	0,17	Thanh Bình	Hiện hữu
2.3.4	Trường mầm Non Thanh An	0,56	Thanh An	Định hướng
III	Đất Công trình y tế	0,16		
	Trạm y tế Thanh Lương	0,16	Thanh Trung	Hiện hữu

TT	Hạng mục	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (ấp)	Ghi chú
IV	Đất Công trình văn hóa	2,12		
	Nhà văn hóa xã	0,23	Thanh Trung	Hiện hữu
	Nhà văn hóa ấp (tru sở ấp và hội trường)	1,89		Hiện hữu
V	Đất thương mại dịch vụ	0,48		
	Buru điện	0,07	Thanh Trung	Hiện hữu
	Chợ Thanh Lương	0,41	Thanh Trung	Hiện hữu
VI	Đất xây dựng thương mại dịch vụ khác	17,73		
	Khu dịch vụ Nông Thôn	3,06	Thanh Tuấn	Định hướng
	Khu dịch vụ công cộng dự trữ	13,33	Thanh Thiện	Định hướng
	Cây xăng Linh Thuận	0,58	Thanh Kiều	Hiện hữu
	Cây xăng Mỹ Tâm	0,02	Thanh Hòa	Hiện hữu
	Cửa hàng xăng dầu Thanh Lương	0,22	Thanh Tuấn	Hiện hữu
	Trạm thu phí Bình Long	0,11	Thanh Tuấn	Hiện hữu
	Công ty cầu đường Linh Thuận	0,41	Thanh Tuấn	Hiện hữu
VII	Đất cây xanh thể dục, thể thao	8,57		
	Cây xanh - TDDT	2,22	Thanh Trung	Định hướng
	Cây xanh - TDDT	3,06	Thanh An	Định hướng
	Cây xanh - TDDT	1,29	Phổ Lô	Định hướng
	Cây xanh - TDDT	2,00	Sóc Giếng	Định hướng
VIII	Đất Tôn Giáo	3,51		
	Chùa Thanh Phước	1,30	Thanh Tân	Hiện hữu
	Chùa Thanh Sơn	0,83	Thanh Thiện	Hiện hữu
	Chùa Vạn Phước	1,38	Thanh Kiều	Hiện hữu
IX	Đất hạ tầng kỹ thuật	5,52		
	Nhà máy nước	0,34	Thanh Tuấn	Hiện hữu
	Trạm xử lý nước thải	1,86	Thanh Tuấn	Định hướng
	Trạm điện	3,32	Thanh Tuấn	Hiện hữu

5.5. Quản lý đất an ninh quốc phòng:

Trong khu vực quy hoạch bố trí các vị trí về an ninh quốc phòng gồm:

- Điểm tựa chiến đấu SB4 nằm trong quy hoạch diện tích 50ha thuộc địa hình loại I theo Quyết định 2412/QĐ-TTg ngày 19/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ chỉ được trồng hoa màu, trồng rừng, chăn nuôi gia súc... nhưng không làm biến dạng, thay đổi lớn địa hình làm mất thế địa hình quân sự hiện có.

+ Đối với các dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, Bộ CHQS tỉnh sẽ có văn bản góp ý riêng cho từng dự án khi có hồ sơ đề xuất theo quy định tại nghị định 164/2018/NĐ-CP ngày 21/12/2018 của Chính phủ về việc kết hợp quốc phòng với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng.

+ Đối với chiều cao tính không của các công trình đề nghị thực hiện theo Quyết định số 4167/ QĐ-BQP ngày 06/10/2016 của Bộ Quốc Phòng về công bố

thủ tục hành chính mới ban hành về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quân lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc Phòng.

- C70/Ban CHQS thị xã Bình Long, diện tích 46.804m².

5.6. Quản lý đất an ninh quốc phòng:

- Đối với nhà ở xây dựng mới, nhà ở hiện hữu cải tạo chỉnh trang được quy định cụ thể trong các Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 và đảm bảo các quy định hiện hành về quy hoạch xây dựng và Quy chế quản lý kiến trúc đô thị thị xã Bình Long theo Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 của UBND tỉnh Bình Phước

- Đối với các công trình giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, chợ trong khu vực xây mới được xây dựng tối đa 3 tầng, mật độ xây dựng tối đa 40%. Hệ số sử dụng đất tối đa 1,5 lần.

- Trường hợp khu vực quy hoạch không còn quỹ đất để đảm bảo chỉ tiêu sử dụng đất của các công trình dịch vụ - công cộng, cho phép tăng mật độ xây dựng thuần tối đa của các công trình dịch vụ - công cộng nhưng không vượt quá 60%.

- Đối với các lô đất thương mại dịch vụ hoặc lô đất sử dụng hỗn hợp thì mật độ xây dựng, tầng cao, hệ số sử dụng đất được xác định trong đồ án quy hoạch chi tiết hoặc thiết kế đô thị được phê duyệt nhưng phải đảm bảo các quy định tại Bảng 2.10 và các yêu cầu về khoảng cách tối thiểu giữa các dãy nhà tại QCVN 01/2021 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Khoảng lùi công trình đảm bảo theo QCVN01: 2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch Xây dựng

6. Quy hoạch sử dụng đất

- Với tổng diện tích tự nhiên có **5.258,87ha** cơ cấu sử dụng đất đến năm 2035 trên địa bàn xã Thanh Lương như sau:

+ Đất nông nghiệp: 3.969,69ha chiếm 75,49 trên tổng diện tích tự nhiên.

+ Đất xây dựng: 985,08 ha chiếm 18,22% trên tổng diện tích tự nhiên.

+ Đất khác: 331,11 ha chiếm 6,3% tổng diện tích tự nhiên.

Bảng thống kê quy hoạch sử dụng đất năm 2025 đến năm 2035:

STT	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT	DIỆN TÍCH (HA)			
		NĂM 2022(HT)	NĂM 2025	NĂM 2030	NĂM 2035
1	Đất nông nghiệp	4.673,56	4.442,24	4.012,26	3.969,69
1.1	Đất trồng lúa	75,15	-	-	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	113,62	77,55	78,26	78,26
1.3	Đất trồng cây lâu năm, nhà vườn	4.477,18	3.545,40	3.214,81	3.261,74
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	7,61	-	-	-
1.4	Đất nông nghiệp khác	0,00	819,29	719,19	629,69
1.5	Đất xây dựng	382,79	549,82	915,51	958,08

STT	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT	DIỆN TÍCH (HA)			
		NĂM 2022(HT)	NĂM 2025	NĂM 2030	NĂM 2035
2.1	Đất ở nông thôn	107,04	198,80	277,57	244,67
2.2	Đất công cộng	9,42	8,94	8,94	8,94
	- Đất xây dựng trụ sở cơ quan (hành chính xã)	0,44	0,38	0,38	0,38
	- Đất xây dựng cơ sở y tế	0,16	0,16	0,16	0,16
	- Đất xây dựng cơ sở giáo dục	5,43	5,80	5,80	5,80
	- Đất xây dựng cơ sở văn hóa	0,23	0,23	0,23	0,23
	- Đất sinh hoạt cộng đồng (nhà văn hóa ấp)	2,62	1,89	1,89	1,89
	- Đất chợ	0,46	0,41	0,41	0,41
	- Bưu điện	0,08	0,07	0,07	0,07
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	0,00	2,22	4,75	8,57
2.4	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	3,60	3,51	3,51	3,51
	- Đất tôn giáo	3,60	3,51	3,51	3,51
2.5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề	6,47	6,25	43,78	43,78
	- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	6,47	6,25	43,78	43,78
2.6	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng	77,81	102,16	116,35	127,31
	- Đất hoạt động khai thác khoáng sản		24,35	38,54	49,50
	- Đất nhà máy xi măng Vincen Hà tiên	77,81	77,81	77,81	77,81
2.7	Đất xây dựng các chức năng khác	2,05	2,05	17,73	17,73
	- Thương mại dịch vụ	2,05	2,05	17,73	17,73
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật	171,72	210,49	412,48	498,17
	- Đất giao thông	146,05	189,96	275,64	361,33
	- Đất nghĩa trang, nghĩa địa	21,78	16,84	16,84	16,84
	- Đất hạ tầng kỹ thuật khác (năng lượng)	3,69	3,69	120,00	120,00
2.9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất (thủy lợi)		10,00	25,00	
2.10	Đất quốc phòng, an ninh	4,68	5,40	5,40	5,40
	- Đất an ninh		0,72	0,72	0,72
	- Đất quốc phòng	4,68	4,68	4,68	4,68
3	Đất khác	202,53	266,82	331,11	331,11
3.1	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	92,73	92,73	92,73	92,73
3.2	Đất cây xanh hành lang an toàn	109,80	174,09	238,38	238,38
3.3	Đất chưa sử dụng				
TỔNG		5.258,87	5.258,87	5.258,87	5.258,87

7. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật

7.1. Giao thông

a. Giao thông đối ngoại

- Quốc lộ 13 là trục đường chính của xã Thanh Lương kết nối xã với trung tâm thị xã Bình Long và huyện Lộc Ninh ở phía Bắc, lộ giới đường tuân thủ quy hoạch chung thị xã Bình Long, với lộ giới 57m, trong đó dải phân cách 3m (đoạn qua trung tâm xã), mặt đường 2x12m, phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ 2x2m,

hành lang an toàn đường bộ 2x13m.

- Đường ĐT.757 kết nối xã Thanh Lương ra đường cao tốc TPHCM – Hoa Lư - Phnôm Pênh dự kiến đi qua ranh phía Đông xã và kết nối đi thành phố Đồng Xoài, tạo nên tiềm năng phát triển kinh tế - xã hội – vận chuyển hàng hóa xã Thanh lương. Lộ giới đường 42m, trong đó dải phân cách 2m, mặt đường 2x9m, lề đường 2x11m.

- Tuyến đường sắt Xuyên Á đi theo hướng Bắc – Nam. Đây là một dự án nằm trong chiến lược phát triển GTVT và Đường sắt VN đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Đường sắt đi theo nền đường hiện trạng. Đoạn đi qua xã Thanh Lương có bề rộng 20m bao gồm phần đường sắt và phân hành lang bảo vệ. Song song với đường sắt bố trí các trục đường đối nội (đường liên ấp, đường nội bộ để tăng tính kết nối, phục vụ nhu cầu đi lại cho người dân).

- Các tuyến băng chuyền từ nhà máy xi măng: Bao gồm tuyến băng chuyền số 1 với lộ giới 20m hiện hữu kết nối nhà máy xi măng với mỏ đá Tà Thiết theo hướng Tây Bắc của xã. Bên cạnh đó định hướng bố trí thêm tuyến băng chuyền số 2 và số 3 với lộ giới 20m kết nối nhà máy xi măng theo hướng Bắc (tiếp giáp huyện Lộc Ninh) và Tây Nam (tiếp giáp huyện Hớn Quản) của xã. Đây là các tuyến đường phục vụ vận chuyển đá để sản xuất xi măng là ngành công nghiệp trọng yếu của xã. Song song với đường băng chuyền 1 bố trí các đường song hành có lộ giới là 16m (lòng đường 6m, vỉa hè tiếp giáp băng chuyền 2m, phía còn lại 6m) nhằm phục vụ các phương tiện cơ giới phụ trợ cho băng chuyền và tăng khả năng tiếp cận cho người dân đi lại.

- Các tuyến đường xã có khả năng kết nối xã Thanh Lương với các xã lân cận, đạt tối thiểu tiêu chuẩn đường cấp IV, có lộ giới 32m (dải phân cách giữa 2m, lòng đường 10m mỗi bên, vỉa hè 5m mỗi bên).

b. Giao thông đối nội

- Các tuyến giao thông đối nội xã tuân thủ định hướng quy hoạch chung thị xã Bình Long:

- Đường bao quanh vùng đệm của Nhà máy xi măng có bố trí các trục đường TLM9, TLM30 Và TLT8 có lộ giới 18m (lòng đường 8m, vỉa hè mỗi bên 5m).

- Kết nối giao thông tại Ấp Thanh An từ Bắc xuống Nam hiện tại chỉ có 1 trục đường băng qua băng chuyền số 1 (đường TL M2), để tăng kết nối từ Bắc xuống Nam sẽ bố trí thêm 1 tuyến đường kết nối đi qua tuyến băng chuyền số 1 và tận dụng cầu cũ hiện hữu để sửa chữa cải tạo làm cầu vượt kết nối phục vụ nhu cầu đi lại cho người dân.

- Các tuyến giao thông ấp, nội đồng phục vụ sản xuất, dân sinh quy hoạch tối thiểu đạt đường cấp V, lộ giới 18m (lòng đường 7m, phần đất bảo vệ đường bộ 1,5m mỗi bên và hành lang an toàn đường bộ 4m mỗi bên. Riêng các tuyến đường song hành đường băng chuyền (số 2 và số 3) nhà máy xi măng có lộ giới 8m (lòng đường 6m, vỉa hè mỗi bên 1m).

Bên cạnh đó còn có đường mở mới M33 lộ giới 15m (lòng đường 7m, vỉa

- Đường dân sinh, ngõ xóm được cứng hóa, đạt $\geq 95\%$.

STT	TÊN ĐƯỜNG	LỘ GIỚI	MẶT CẮT NGANG				KÝ HIỆU
			Lề Đường	Mặt Đường	Phân Cách	Hành Lang An Toàn	
		m	m	m	m	m	
I	Quốc lộ - Đường sắt						
1	Quốc lộ 13	57	2x2	12x2	3	13x2	1-1
2	Đường sắt Xuyên Á	40	-	20	-	10x2	7-7
		48	5- 1.5	7-8	26,5		7A-7A
II	Đường Tỉnh						
1	ĐT.757	42	11	9x2	2	-	2-2
III	Đường xã						
1	Đường vào nhà máy xi măng	36	3,5x2	7x2 3,5x2	8	-	6-6
2	Đường trục phía Tây Nam	32	5x2	10x2	2	-	3-3
3	ĐH. Tân Lợi - An Khương - Thanh An	32	5x2	10x2	2	-	3-3
4	Đường TL T2	32	5x2	10x2	2	-	3-3
5	Đường TL T37	32	5x2	10x2	2	-	3-3
6	Đường TL T55	32	5x2	10x2	2	-	3-3
7	Đường TL T60	32	5x2	10x2	2	-	3-3
8	Đường TL M2	32	5x2	10x2	2	-	3-3
9		32	5x2	10x2	2	-	3-3
IV	Đường ấp						
1	Đường TL T1	18	5x2	4x2	-	-	4-4
2	Đường TL T2	18	5x2	4x2	-	-	4-4
3	Đường TL T3	18	5x2	4x2	-	-	4-4
4	Đường TL T5	18	5x2	4x2	-	-	4-4
5	Đường TL T6	18	5x2	4x2	-	-	4-4
6	Đường TL T6	18	5x2	4x2	-	-	4-4
7	Đường TL M3	52	6x2	8x2	24	-	9-9
8	Đường TL M3A						
9	Đường TL T8	18	5x2	4x2	-	-	4-4
10	Đường TL T9	18	5x2	4x2	-	-	4-4
11	Đường TL M4	40	6x2	8x2	12	-	8-8
12	Đường TL M4A						

STT	TÊN ĐƯỜNG	LỘ GIỚI	MẶT CẮT NGANG				KÝ HIỆU
			Lề Đường	Mặt Đường	Phân Cách	Hành Lang An Toàn	
		m	m	m	m	m	
13	Đường TL T13	18	5x2	4x2	-	-	4-4
14	Đường TL M6	18	5x2	4x2	-	-	4-4
15	Đường TL M7	18	5x2	4x2	-	-	4-4
16	Đường TL M8	18	5x2	4x2	-	-	4-4
17	Đường TL M9	18	5x2	4x2	-	-	4-4
18	Đường Ranh	18	5x2	4x2	-	-	4-4
19	Đường TL T15	18	5x2	4x2	-	-	4-4
20	Đường TL T17	18	5x2	4x2	-	-	4-4
21	Đường TL T20	18	5x2	4x2	-	-	4-4
22	Đường TL T22	18	5x2	4x2	-	-	4-4
23	Đường TL T23	18	5x2	4x2	-	-	4-4
24	Đường TL T27	18	5x2	4x2	-	-	4-4
25	Đường TL T33	18	5x2	4x2	-	-	4-4
26	Đường TL T42	18	5x2	4x2	-	-	4-4
27	Đường TL T43	18	5x2	4x2	-	-	4-4
28	Đường TL T46	18	5x2	4x2	-	-	4-4
29	Đường TL T46	18	5x2	4x2	-	-	4-4
30	Đường TL T47	18	5x2	4x2	-	-	4-4
31	Đường TL T50	18	5x2	4x2	-	-	4-4
32	Đường TL T55	18	5x2	4x2	-	-	4-4
33	Đường TL T56	18	5x2	4x2	-	-	4-4
34	Đường TL T58	18	5x2	4x2	-	-	4-4
35	Đường TL T59	18	5x2	4x2	-	-	4-4
36	Đường TL T60	18	5x2	4x2	-	-	4-4
37	Đường TL T64	18	5x2	4x2	-	-	4-4
38	Đường TL T65	18	5x2	4x2	-	-	4-4
39	Đường TL M5	36	1x2	6x2	22	-	8-8
40	Đường TL M5A						
41	Đường TL M10	18	5x2	4x2	-	-	4-4
42	Đường TL M24	18	5x2	4x2	-	-	4-4
43	Đường TL M30	18	5x2	4x2	-	-	4-4
44	Đường TL M41	18	5x2	4x2	-	-	4-4
45	Đường TL M42	18	5x2	4x2	-	-	4-4
46	Đường TL M45	18	5x2	4x2	-	-	4-4
V	Giao thông phục vụ sản xuất						
1	Đường TL T7	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
2	Đường TL T8	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
3	Đường TL T9	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
4	Đường TL T10	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
5	Đường TL T11	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
6	Đường TL T11	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
7	Đường TL T15	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
8	Đường TL T15	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
9	Đường TL T16	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
10	Đường TL T18	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5

STT	TÊN ĐƯỜNG	LỘ GIỚI	MẶT CẮT NGANG				KÝ HIỆU
			Lề Đường	Mặt Đường	Phân Cách	Hành Lang An Toàn	
			m	m	m	m	
11	Đường TL T19	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
12	Đường TL T21	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
13	Đường TL T24	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
14	Đường TL T25	10	1.5x2	3.5x2	-	-	10-10
15	Đường TL T26	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
16	Đường TL T28	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
17	Đường TL T29	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
18	Đường TL T29	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
19	Đường TL T30	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
20	Đường TL T31	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
21	Đường TL T32	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
22	Đường TL T34	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
23	Đường TL T35	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
24	Đường TL T36	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
25	Đường TL T38	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
26	Đường TL T39	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
27	Đường TL T40	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
28	Đường TL T41	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
29	Đường TL T44	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
30	Đường TL T45	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
31	Đường TL T46	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
32	Đường TL T49	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
33	Đường TL M11	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
34	Đường TL T51	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
35	Đường TL T52	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
36	Đường TL T54	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
37	Đường TL T57	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
38	Đường TL T60	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
39	Đường TL M13	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
40	Đường TL T66	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
41	Đường TL T67	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
42	Đường TL T68	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
43	Đường TL T69	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
44	Đường TL T70	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
45	Đường TL T70	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
46	Đường TL T71	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
47	Đường TL T72	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
48	Đường TL T73	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
49	Đường TL M14	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
50	Đường TL M16	10	1.5x2	3.5x2	-	-	10-10
51	Đường TL M17	10	1.5x2	3.5x2	-	-	10-10
52	Đường TL M18	10	1.5x2	3.5x2	-	-	10-10
53	Đường TL M19	10	1.5x2	3.5x2	-	-	10-10
54	Đường TL M20	10	1.5x2	3.5x2	-	-	10-10
55	Đường TL M21	10	1.5x2	3.5x2	-	-	10-10
56	Đường TL M22	10	1.5x2	3.5x2	-	-	10-10

STT	TÊN ĐƯỜNG	LỘ GIỚI	MẶT CẮT NGANG				KÝ HIỆU
			Lề Đường	Mặt Đường	Phân Cách	Hành Lang An Toàn	
			m	m	m	m	
57	Đường TL M25	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
58	Đường TL M26	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
59	Đường TL M27	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
60	Đường TL M28	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
61	Đường TL M40	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
62	Đường TL M31	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
63	Đường TL M32	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
64	Đường TL M33	15	4.0x2	3.5x2	-		11-11
65	Đường TL M35	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
66	Đường TL M36	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
67	Đường TL M37	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
68	Đường TL M39	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
69	Đường TL T51	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
70	Đường TL T53	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
71	Đường TL T76	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
72	Đường TL T77	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
73	Đường TL M44	18	1.5x2	3.5x2	-	4x2	5-5
74	Đường TL M46	10	1.5x2	3.5x2	-	-	10-10

7.2. Về cao độ nền - thoát nước mưa

a. Về cao độ nền:

- San lấp các khu vực điểm dân cư bám sát địa hình tự nhiên, tránh ngập úng và phù hợp với cao độ các khu lân cận.
- Đối với các khu vực ven suối, sườn dốc cần được trồng cây xanh để chống xói lở và tạo cảnh quan cho đô thị.
- Đối với các khu đất nông nghiệp sản xuất, giữ nguyên cao độ nền để đảm bảo nhu cầu sản xuất.

b. Về thoát nước mưa

- Hướng thoát: về phía các kênh rạch hiện hữu giữ lại cho thoát nước theo hướng ngắn nhất.
- Sử dụng mạng lưới thoát nước riêng, mạng lưới đường cống được bố trí cụ thể trong các đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư.
- Nước thoát được thu gom bằng hệ thống cống D800÷D1800.
- Hệ thống cống thoát nước được bố trí dọc các trục đường chính. Một số tuyến kênh đề nghị được mở rộng để thuận lợi cho công tác tiêu nước.

7.3. Về hệ thống cấp nước

a. Chỉ tiêu cấp nước:

- Nước sinh hoạt: 100 l/người ngày đêm.

- Nước cấp công trình công cộng, thương mại dịch vụ: 15% lượng nước cấp sinh hoạt.

- Thất thoát rò rỉ lấy bằng 15% tổng lượng nước cấp.

- Hệ số dùng nước ngày lớn nhất lấy bằng 1,2.

- Tổng nhu cầu cấp nước: khoảng 3.360 (m³/ngày đêm)

b. Nguồn cấp nước:

- Khu trung tâm xã và các điểm dân cư sử dụng nước từ nhà máy nước Thanh Lương hiện hữu, công suất 3.000m³/ngđ, công suất định hướng 12.000m³/ngđ. Nguồn nước từ hồ thủy điện Sork Phú Miêng.

- Nước tưới tiêu cho trồng trọt và chăn nuôi được khai thác từ ao hồ và suối tự nhiên.

- Các trạm bơm cấp nước sau khi bơm nước lên được xử lý sơ bộ trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước.

c. Mạng lưới cấp nước

Xây dựng mạng lưới đường ống bằng nhựa uPVC hoặc HDPE theo các tuyến giao thông chính.

7.4. Về hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường

a. Chỉ tiêu thoát nước

- Chỉ tiêu thu gom nước thải sinh hoạt: 80% lượng nước cấp sinh hoạt.

- Chỉ tiêu rác thải sinh hoạt: 0,8 kg/người.ngđ.

- Tổng nhu cầu thoát nước thải: khoảng 2.340 (m³/ngày đêm)

- Tổng khối lượng rác thải là: 15,0 (tấn).

b. Định hướng hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường

- Nước thải từ công trình trước khi thoát ra mạng lưới thoát nước chung phải được xử lý bằng hầm tự hoại 3 ngăn, đạt tiêu chuẩn cho phép. Sử dụng mạng lưới thoát nước riêng, mạng lưới đường cống được bố trí cụ thể trong các đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư. Định hướng bố trí các trạm xử lý nước thải cho mỗi khu dân cư, vị trí gần các suối (cụ thể trong bản vẽ), thu gom toàn bộ nước thải của các khu dân cư về xử lý đạt giá trị cột A, QCVN14:2008/BTNMT và xả ra suối gần nhất.

- Rác thải sinh hoạt và công nghiệp được thu gom và đưa đến nhà máy xử lý rác thải tại khu liên hợp xử lý rác với công suất 150 tấn/ngày tại xã Minh Tâm huyện Hớn Quản quy mô 6ha (Khu xử lý rác liên huyện).

- Nghĩa trang: sử dụng nghĩa trang chung của thị xã Bình Long, đặt tại ấp Sóc Giếng. Định hướng mở rộng nghĩa trang thị xã thêm 16,50ha nhằm di dời các khu mộ nhỏ lẻ về nghĩa trang tập trung nhằm bảo vệ môi trường và tôn tạo cảnh quan.

7.5. Về cấp điện

a. Chỉ tiêu cấp điện

- Điện sinh hoạt: 400-1000kWh/người.năm.
- Công trình công cộng: 30% sinh hoạt.
- Điện sản xuất: 250kW/ha.
- Chiều sáng giao thông: 10kW/ha.
- * Tổng nhu cầu cấp điện: 8.946,1 KW (10.524,8 KVA)

b. Định hướng cấp điện

- Nguồn điện: Khu quy hoạch được cấp từ nguồn điện quốc gia trạm biến áp 110/22kV Bình Long, trạm biến áp 110/22kV Lộc Ninh thông qua tuyến trung thế 22kV dọc Quốc lộ 13, đường Tỉnh 757 đáp ứng nhu cầu phụ tải khu vực.

- Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới các trạm biến áp phân phối 22/0,4 KV và 12,7/0,4 KV kiểu trạm phòng, trạm đơn thân, compact, trạm giàn, trạm treo cấp điện 0,4 KV cho khu quy hoạch.

- Mạng lưới điện trung thế 22 KV: mạng lưới đầu vào dây trung thế sử dụng dây nhôm lõi thép đi trên trụ bê tông ly tâm, tại ngõ ra hoặc băng qua trục đường đi ngầm. Tuyến trung thế cấp điện cho khu dân cư là đường dây trên không. Từ đây, phải đặt các trạm hạ thế tập trung, điện áp 22/0,4 KV để cung cấp điện cho các hộ tiêu thụ.

7.6. Về hệ thống thông tin liên lạc

a. Chỉ tiêu: 01-02 thuê bao/hộ.

Điện thoại cố định đạt mật độ 3 thuê bao/100 dân; Số thuê bao điện thoại di động (trả trước và trả sau) đạt mật độ 110 thuê bao/100 dân; Số thuê bao internet băng thông rộng (cố định và di động) đạt mật độ 32 thuê bao/100 dân.

b. Dự báo nhu cầu

- Điện thoại cố định: 561 thuê Bao.
- Điện thoại di động: 20.570 thuê Bao.
- Internet: 5.984 thuê Bao.

c. Nguồn cấp

Hệ thống TTLL khu quy hoạch được cấp từ viễn thông Bình Long, bưu điện Thanh Lương thông qua tuyến TTLL hiện hữu trên Quốc lộ 13, đường tỉnh 757 và các tuyến đường có dân cư sinh sống.

Cải tạo và xây dựng mới các tuyến thông tin liên lạc dọc các đường khu quy hoạch sử dụng cáp quang từ bưu điện Thanh Lương phân phối dịch vụ cho khu quy hoạch.

Hệ thống cáp trong khu vực được đi nổi hoặc ngầm trong các tuyến cống bê xây dựng mới. Cáp trong nội bộ khu nhà ở chủ yếu sử dụng loại cáp đi trong cống bê (ngầm) có tiết diện lõi dây 0,5mm² hoặc cáp quang.

8. Đánh giá môi trường chiến lược:

8.1. Đánh giá hiện trạng, xác định các vấn đề môi trường chính

8.1.1 Hiện trạng môi trường không khí

Chất lượng môi trường không khí bị ô nhiễm một phần do bụi từ hoạt động giao thông. Trong khu vực quy hoạch có Nhà máy xi măng đang hoạt động, đây là loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm cao nhất, trong đó nguồn gây ô nhiễm chủ yếu là bụi phát sinh từ quá trình vận chuyển vật liệu, nung và nghiền xi măng; Hoạt động chăn nuôi (khu chăn nuôi tập trung) cũng ảnh hưởng khá lớn đến môi trường, chất thải chăn nuôi là nguyên nhân gây ô nhiễm lớn cho môi trường tự nhiên do lượng lớn các khí thải và chất thải từ vật nuôi. Các khí thải từ vật nuôi cũng chiếm tỷ trọng lớn trong các khí thải gây hiệu ứng nhà kính.

8.1.2 Đánh giá hiện trạng ô nhiễm môi trường nước

- Nguồn nước phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt từ các giếng khoan và giếng đào, có chất lượng nước chưa đảm bảo về vệ sinh.

- Chất lượng nước các suối, rạch ở các ấp trên địa bàn xã chưa đảm bảo vệ sinh. Hiện tại trong khu vực dân cư nước mưa chảy tràn theo địa hình tự nhiên; đa số các hộ dân không sử dụng bể tự hoại và giếng thăm xử lý nước thải không đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Hiện tại các hoạt động chăn nuôi gây ô nhiễm môi trường nước trên địa bàn xã do nước thải chăn nuôi và sinh hoạt tự thấm hoặc thoát ra các kênh rạch xung quanh.

8.1.3 Đánh giá hiện trạng môi trường đất:

- Tình trạng lạm dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp, hệ thống thủy lợi chưa được hoàn chỉnh có chiều hướng gia tăng, gây ảnh hưởng chất lượng môi trường đất.

- Quá trình phát triển kinh tế xã hội sẽ phát sinh các chất ô nhiễm và làm gia tăng mức độ ô nhiễm môi trường do các chất thải nông nghiệp, rác thải sinh hoạt... Do vậy, cần có biện pháp bảo vệ, cải thiện, đảm bảo chất lượng các thành phần môi trường như: bố trí bãi rác tập trung, có phương án thu gom rác từ các khu dân cư... nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường và tiết kiệm quỹ đất của địa phương.

8.1.4 Hiện trạng môi trường chất thải rắn

Việc thu gom xử lý chất thải rắn trên địa bàn xã chưa được thực hiện triệt để. Khu vực có nhiều nghĩa địa phân bố nhỏ lẻ.

8.1.5 Tác động của biến đổi khí hậu

Vấn đề biến đổi khí hậu được biết đến trên toàn cầu và Việt Nam là một trong nhiều nước bị ảnh hưởng trực tiếp. Đến nay đã ghi nhận được sự bất thường về thời tiết, tỉnh Bình Phước được cho là có sự chuyển dịch của mùa, có xu hướng gây sạt lở cao. Theo đó, vào những năm trước, bắt đầu mùa mưa sớm hơn, lượng mưa nhiều hơn gây ngập úng cục bộ và có nguy cơ sạt lở cao.

8.2. Dự báo tác động và diễn biến môi trường trong quá trình thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã

8.2.1 Môi trường kinh tế và xã hội

Việc quy hoạch chung xây dựng xã Thanh Lương sẽ có tác động tích cực đến mỹ quan, cải thiện hệ thống giao thông, cấp thoát nước và điện chiếu sáng... Nhưng bên cạnh đó việc quy hoạch sẽ ảnh hưởng lớn đến nhiều hộ dân cư sống khá lâu đời ở khu vực này, phá vỡ thói quen chòm xóm, gây áp lực về việc làm khi khu vực nông thôn bị đô thị hoá. Về mặt môi trường, xu hướng sẽ được cải thiện rất đáng kể khi các dự án cơ sở hạ tầng được xây dựng. Tuy nhiên, trong tương lai nguy cơ ô nhiễm môi trường đối với các loại chất thải tăng lên.

8.2.2 Môi trường đất

- Trong quy hoạch đến năm 2035 cùng với sự phát triển công nghiệp, đô thị sẽ tạo ra một số tác động xấu đến môi trường đất của khu vực:

+ Một phần không nhỏ nước thải, rác, khí thải, chất hóa học,... sử dụng trong công nghiệp, y tế làm ô nhiễm khu dân cư, môi trường sinh thái... trong đó có môi trường đất. Đáng chú ý là một số cơ sở sản xuất công nghiệp thuộc các ngành nghề dễ gây ô nhiễm môi trường hiện bố trí trong xã xen lẫn các khu dân cư cũng làm ảnh hưởng không nhỏ đến môi trường đất của nhân dân trong khu vực.

+ Đất nông nghiệp sẽ giảm đáng kể do chuyển qua đất chuyên dùng và xây dựng cơ bản như: Giao thông, tiểu thủ công nghiệp, hạ tầng,...

+ Trong thi công các công trình như giao thông, xây dựng nhà ở, các công trình công cộng... thì việc san ủi sẽ phải diễn ra và chiếm một diện tích khá rộng với khối lượng đất cần di chuyển rất lớn. Tất cả những công việc này có thể làm cho môi trường đất thay đổi.

+ Nước thải sinh hoạt được hình thành trong quá trình sinh hoạt của con người nếu không qua xử lý có thể ngấm trực tiếp xuống đất cũng là một trong những nguyên nhân gây cho đất bị ô nhiễm.

+ Mật độ dân cư cao do quá trình đô thị hóa, nhiều khu dân cư mới được hình thành nên số lượng dân số tăng nhanh, điều này cũng làm cho môi trường đất bị thu hẹp và bị bê tông hóa.

+ Ngoài tác động tiêu cực, nhiều tác động tích cực sẽ được mang lại như:

+ Việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất sẽ làm gia tăng giá trị sử dụng đất, sự phát triển của đời sống kinh tế người dân và giúp cho họ có nhiều cơ hội hơn trong việc cải thiện điều kiện nhà ở.

+ Quy hoạch không những đẩy mạnh phát triển cơ sở hạ tầng, tạo được không gian cảnh quan, kinh tế phát triển mà còn đẩy mạnh hoạt động phát triển du lịch trong khu vực.

+ Tuy trong giai đoạn thi công sẽ có một số tác động xấu tới môi trường đất như: mất đất, thay đổi cơ cấu và chất lượng đất, xói mòn, đổ lở đất và ô nhiễm đất bởi các loại chất thải sinh hoạt và phế thải xây dựng... Tuy nhiên những tác động đó chỉ diễn ra trong thời gian ngắn và đất trong khu vực này có giá trị kinh tế không lớn nên việc thay đổi mục đích sử dụng đất sẽ mang lại hiệu quả cao hơn.

8.2.3 Phân tích dự báo ô nhiễm môi trường không khí

- Hiện nay, môi trường không khí trong khu vực vẫn còn tương đối tốt. Trong tương lai, việc xây dựng cơ sở hạ tầng, làm đường, vận chuyển nguyên vật liệu trong giai đoạn thi công sẽ gây ảnh hưởng cục bộ đến chất lượng không khí tại một số điểm, tuy nhiên việc mở thêm các tuyến đường giao thông sẽ tạo điều kiện cho các phương tiện tham gia giao thông được lưu thông tốt hơn, không bị ùn tắc cục bộ và phân bố đồng đều xe cộ trên các tuyến đường...

- Đối với nhà máy xi măng định hướng mở thêm các đường băng chuyên sẽ làm tăng ô nhiễm bụi.

- Đồng thời với phát triển công nghiệp, ngành dịch vụ cũng phát triển vượt bậc, tỷ lệ tăng dân số cơ học cao, mặt khác cơ sở hạ tầng đô thị và nông thôn sẽ nâng cấp và mở rộng.

8.2.4 Phân tích dự báo ô nhiễm do nước thải

- Nước thải phát sinh từ khu quy hoạch bao gồm 2 loại: nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất. Đối với nước thải sinh hoạt, thành phần nhiễm bẩn chủ yếu là chất hữu cơ, chất rắn lơ lửng,... Đối với nước thải sản xuất, tùy theo loại hình sản xuất mà tính chất nhiễm bẩn khác nhau. Nước thải từ các cơ sở chăn nuôi có chất hữu cơ chiếm phần lớn gồm cellulose, protit, acid amin, chất béo,...

- Tác động lớn nhất đến môi trường nước trong quá trình phát triển chính là làm gia tăng một khối lượng lớn nước sạch sinh hoạt được tiêu thụ hàng ngày và kéo theo tương ứng là lượng nước thải cần phải được xử lý phát thải từ các trung tâm, khách sạn, khu dân cư và các dịch vụ khác trong khu vực...

- Khu vực quy hoạch phải xử lý một khối lượng nước thải sinh hoạt có giá trị tương ứng (thành phần nước thải bao gồm: nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp, ...). Đây là vấn đề rất đáng lo ngại đối với môi trường nước của khu vực quá trình thi công các công trình đường giao thông trong khu vực chiếm khối lượng công việc rất lớn.

- Các hoạt động của quá trình xây dựng các công trình giao thông diễn ra trên một phạm vi rộng sẽ có các tác động tới môi trường nước như làm thay đổi mặt đệm tự nhiên của những nơi tuyến đường mới sẽ được xây dựng (thay đổi lớp che phủ, thay đổi hệ số thấm) dẫn tới sự thay đổi quá trình hình thành dòng chảy mặt cũng như thay đổi chế độ bổ cập nước ngầm trong khu vực.

- Theo tính toán thì đến năm 2035 khu vực nghiên cứu sẽ phát thải ra môi trường một lượng chất thải tương đối lớn. Đây là chất thải bị thất thoát ra môi trường và không được xử lý trong khu vực nghiên cứu. Tuy nhiên, hàm lượng cặn lơ lửng (TSS) chiếm cao nhất 40% trong tổng khối lượng các chất ô nhiễm. Đây là loại chất thải có nguy cơ ô nhiễm môi trường không cao so với các loại chất ô nhiễm còn lại, bên cạnh đó việc xử lý cặn lơ lửng không phức tạp nên có thể kiểm soát và không chế được dễ dàng.

8.2.5 Phân tích dự báo ô nhiễm do chất thải rắn

- Chất thải rắn trong khu vực quy hoạch phát sinh từ các nguồn chính như sinh hoạt khu dân cư, công trình công cộng. Thành phần chất thải chủ yếu là chất thải hữu cơ, nilon, nhựa, giấy,...

- Về cơ bản, sau khi thực hiện quy hoạch thì các nguồn phát sinh chất thải rắn trong khu vực nghiên cứu không thay đổi. Các chất thải rắn phát sinh bao gồm chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp và chất thải rắn y tế. Tuy nhiên, thành phần, tính chất và khối lượng các loại chất thải đều có sự thay đổi.

- Tác động do phát triển dân số dẫn đến khối lượng chất thải rắn của xã sẽ tăng. Ngoài chất thải rắn sinh hoạt, cần phải kể đến lượng chất thải rắn phát sinh từ quá trình xây dựng cơ bản, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, xây dựng hệ thống cơ sở dịch vụ du lịch...cũng tạo ra một khối lượng lớn chất thải rắn xây dựng. Tuy nguồn phát sinh chỉ mang tính chất tạm thời và sẽ chấm dứt khi dự án kết thúc nhưng chúng cũng có thể gây tác động xấu đến môi trường như làm tăng nồng độ bụi trong không khí, gây cản trở giao thông và mất mỹ quan trong đô thị nếu không được tổ chức thu gom triệt để.

8.2.6 Tác động của biến đổi khí hậu

a. Tác động đến nông nghiệp

Nông nghiệp là đối tượng chịu tác động trực tiếp của khí hậu, khí hậu ảnh hưởng quan trọng đến thời vụ, tốc độ sinh trưởng, phát triển của cây trồng là chế độ nhiệt, mưa, ẩm. Những thiên tai khí tượng như bão, lốc, mưa lớn gây lũ lụt, hạn hán... tuy chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn, song lại có thể gây thảm họa đối với sự sinh trưởng và năng suất của cây trồng mà cả sản phẩm sau thu hoạch.

+ Chất đất thay đổi như tổn thất chất hữu cơ, dinh dưỡng; nhiễm mặn và xói mòn trên một số vùng trở nên trầm trọng hơn; chế độ nước trong đất bị ảnh hưởng do nhiệt độ tăng.

+ Sản xuất gia súc, gia cầm bị ảnh hưởng do thức ăn tăng, do thời kỳ và phân bố dịch bệnh thay đổi, rủi ro tổn thất do dịch bệnh.

b. Tác động đến tài nguyên nước

- Biến đổi khí hậu làm thay đổi sự phân bố tài nguyên nước, dòng chảy các sông, chất lượng nước và việc cung cấp nước.

- Tác động trước tiên là làm thay đổi lượng mưa và phân bố mưa ở các vùng. Nhiệt độ tăng sẽ làm bốc hơi nước nhiều hơn. Lượng mưa có thể tăng lên hoặc giảm đi. Mùa mưa cũng sẽ thay đổi về thời gian bắt đầu và kết thúc. Tuy nhiên, sự tăng lượng mưa xảy ra không đồng đều.

- Những thay đổi về mưa sẽ dẫn tới những thay đổi về dòng chảy của các con suối, sông, tần suất và cường độ các trận lũ, tần suất và đặc điểm của hạn hán, lượng nước trong đất. Việc cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt có thể sẽ khó khăn hơn.

Tác động đến giao thông vận tải

- Biến đổi khí hậu có tác động tiêu cực đến các hoạt động giao thông vận tải do yêu cầu giảm phát thải khí nhà kính. Sự tăng lên của các thiên tai khí tượng, đặc biệt là mưa lớn, lũ và ngập lụt sẽ có tác động mạnh đến các hoạt động này. Nhiệt độ tăng góp phần làm tiêu hao năng lượng của các động cơ, trong đó có hệ thống làm mát trong các phương tiện vận chuyển. Cùng với nhu cầu đổi mới công nghệ để giảm phát thải khí nhà kính, những tác động trên sẽ làm chi phí vận tải có xu hướng tăng.

- Cơ sở hạ tầng của đường bộ sẽ bị tác động đáng kể của biến đổi khí hậu trước hết do bão, lũ tăng; hiện tượng úng ngập cục bộ đối với các vùng trũng.

8.3. Các biện pháp phòng ngừa và thứ tự ưu tiên thực hiện

- Các vấn đề môi trường cần gắn kết vào quá trình triển khai toàn bộ dự án thể hiện qua quy hoạch sử dụng đất và tổ chức không gian cảnh quan khu vực:

- Các khu chức năng được bố trí lại theo đúng quy phạm. Khu dân cư hiện hữu được chỉnh trang, xây dựng mới khu dân cư, các công trình công cộng, khu công viên cây xanh, khu cây xanh đường phố, cây xanh chuyên dụng cách ly, hạ tầng kỹ thuật được tổ chức đồng bộ, hạn chế được các tác nhân gây ô nhiễm trong quá trình phát triển khu vực nghiên cứu nhất là quá trình thi công các khu chức năng.

- Đối với các loại đất sản xuất xen kẽ trong khu dân cư đã có chủ trương di dời và chuyển đổi mục đích sử dụng đất các loại đất trên, nhằm đáp ứng yêu cầu bố trí các khu chức năng cho khu ở của khu vực nghiên cứu, tăng hiệu quả sử dụng đất của khu vực nghiên cứu.

8.3.1. Giải pháp kỹ thuật

Hệ thống các công trình kỹ thuật hạ tầng được tính toán để bố trí phù hợp và giảm thiểu tác động đến môi trường đất, nước, không khí...

- Cây xanh được bố trí nhằm tạo cảnh quan và thông thoáng cho khu vực dân cư. Trong đó có các khu công viên cây xanh, cây xanh cách ly đảm bảo QCVN 01:2021/BXD. Việc bố trí này góp phần giảm thiểu được tác động của bụi, tiếng ồn... từ hoạt động giao thông trong khu vực, đảm bảo chất lượng không

khí đạt QCVN 05:2013/BTNMT và góp phần tạo mảng xanh trong khu vực dân cư.

- Các khu chức năng như các công trình công cộng, khu giải trí, trung tâm y tế... được bố trí trong khu vực quy hoạch, nâng cao đời sống và đáp ứng tiện nghi về môi trường cho dân cư.

- Giảm thiểu ô nhiễm không khí: Các phương tiện tham gia giao thông đường bộ áp dụng tiêu chuẩn Euro 4. Tăng cường việc sử dụng nhiên liệu sạch (xăng sinh học E5, khí thiên nhiên nén CNG, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG,...) trong hoạt động giao thông theo Quyết định số 909/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về kiểm soát khí thải các phương tiện giao thông cơ giới (ít gây ô nhiễm). Tổ chức thực hiện trồng cây xanh, cây cảnh bao quanh các đường đi nội bộ của khu vực quy hoạch.

- Hệ thống thu gom và xử lý nước thải: Hệ thống cống thoát nước trong khu vực được nghiên cứu, tính toán để đảm bảo trong giai đoạn dài hạn nước thải được thu gom và đưa về các trạm xử lý nước thải tập trung trong khu vực dự án, nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép.

- Vệ sinh môi trường: Biện pháp bảo vệ hệ thống các rạch, suối, sông trong khu vực và nước ngầm khỏi ảnh hưởng của nước thải và chất thải rắn phát sinh là xây dựng bể tự hoại cho nhà ở và các công trình phải được xây dựng theo đúng quy cách.

- Xây dựng hệ thống thu gom và vận chuyển đến khu xử lý chất thải rắn kết hợp với việc vận động và hướng dẫn phân loại rác tại nguồn.

- Giảm thiểu tác động do Biến đổi khí hậu: Xây dựng kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu. Thực hiện tốt phương án quy hoạch giúp tăng khả năng thoát nước và tăng cường khả năng điều hòa vi khí hậu. Có các biện pháp chặn bị kỹ thuật đối với các vùng trũng, ven sông.

- Giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đất: Chú ý phát triển các vành đai bảo vệ quanh các tuyến suối, kênh rạch nơi tiếp nhận nước thải từ khu dân cư, thường xuyên nạo vét, kiên cố, bê tông hóa các tuyến suối, kênh bị sạt lở hoặc khả năng tiêu thoát nước kém nhằm tăng cường việc tiêu thoát nước và tận dụng khả năng tự làm sạch của dòng nước. Việc này sẽ góp phần hạn chế tích tụ các chất độc trong bùn đáy gần khu vực tiếp nhận nước thải trực tiếp từ các hoạt động sản xuất công nghiệp.

8.3.2 Giải pháp quản lý

Để quản lý tốt chất lượng môi trường không khí, môi trường nước tại khu vực nghiên cứu thì các giải pháp quản lý tại địa phương cần có kế hoạch thực hiện khi công tác quy hoạch được triển khai nhằm có giải pháp khắc phục nếu xảy ra các ảnh hưởng xấu đến môi trường.

- Đối với môi trường nước: Công tác quản lý các công trình cấp thoát nước là quan trọng trong quản lý, việc xả thải nước thải sinh hoạt ra môi trường. Cần

có sự kiểm tra, kiểm soát chất lượng nước trước khi thải ra nguồn tiếp nhận theo đúng QCVN 14:2008/BTNMT.

- Đối với môi trường không khí: Công tác quản lý môi trường không khí sẽ được thực hiện tốt khi có sự phối hợp quản lý của các ngành địa phương. Các chất ô nhiễm, tiếng ồn có mặt trong không khí theo đúng quy chuẩn 05:2013/BTNMT khi có sự phối hợp của công tác quản lý diện tích công viên cây xanh, lưu lượng xe và loại xe được lưu thông trên các tuyến đường. Kiểm soát ô nhiễm trong quá trình xây dựng các dự án kết hợp với giáo dục ý thức người dân phải tuân thủ các quy định luật giao thông nhằm tránh ùn tắc, an toàn khi di chuyển.

8.3.3 Chương trình quản lý và quan trắc môi trường:

a. Chương trình quản lý môi trường

- Hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý rác thải, nước thải tập trung ở khu dân cư và khu chăn nuôi tập trung.

- Thực hiện nghiêm túc công tác đánh giá tác động môi trường đối với tất cả các dự án phát triển trên địa bàn vùng.

- Khuyến khích áp dụng các sáng kiến về công nghệ mới, sản xuất sạch hơn.

- Lập kế hoạch bảo vệ và sử dụng hiệu quả nguồn nước trong vùng, bảo vệ chất lượng nguồn nước ngầm, đảm bảo nước sạch vệ sinh môi trường khu vực nông thôn.

- Nâng cao nhận thức và giáo dục cộng đồng tham gia giữ gìn vệ sinh.

b. Đề xuất các biện pháp phòng ngừa và bảo vệ môi trường

Trong quá trình thực hiện quy hoạch xây dựng cần thực hiện các giải pháp phòng ngừa và bảo vệ môi trường như sau:

- Các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp phải tuân thủ quy chuẩn về xả thải của ngành nghề sản xuất. Công trình sản xuất phải thực hiện các giải pháp về bảo vệ môi trường như bố trí khoảng cách ly;

- Thực hiện biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí (bụi,...) như xây dựng tường rào, tưới nước đối với khu vực khai thác vật liệu san lấp;

- Kiểm soát chất lượng nước đầu ra đối với các cơ sở nuôi trồng thủy sản;

- Tạo cơ chế khuyến khích trong việc xây dựng nhà vệ sinh với bể tự hoại 3 ngăn tại các điểm dân cư;

- Tuyên truyền, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho người dân trong nếp sống và hoạt động sản xuất.

9. Tiến trình đầu tư dự án và nguồn vốn:

- Với mục tiêu xây dựng xã phát triển kinh tế - xã hội nhanh trong thời gian tới trên cơ sở hướng tới phát triển bền vững, phát huy hiệu quả tiềm năng và

nguồn lực. Để tạo động lực phát triển xã đến năm 2035 cần chương trình và xây dựng các dự án mang tính chiến lược.

a. Giai đoạn đến năm (2021– 2030):

Công trình kiến trúc:

- Hoàn thiện khu vực trung tâm hiện hữu, bao gồm các chức năng như: trung tâm hành chính, giáo dục, văn hóa, thương mại dịch vụ,...
- Ưu tiên đầu tư hệ thống đầu mối hạ tầng kỹ thuật như: trạm cấp nước, trạm biến áp,... và các tuyến giao thông kết nối chính.
- Chinh trang và mở rộng tại các khu vực ở hiện hữu, tổ chức thêm các công trình công cộng trong lõi phục vụ các điểm dân cư.
- Đầu tư một số công trình công cộng trọng điểm, được xác định là động lực chính của khu vực công trình dịch vụ.

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

- Nâng cấp và cải tạo các tuyến đường liên xã, liên ấp để nâng cao khả năng kết nối xã.
- Triển khai dự án đầu tư mạng lưới cấp nước sạch cho xã Thanh Lương, phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt và đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp, nông nghiệp.
- Đầu tư nâng cấp các dự án gồm các công trình như cải tạo, nâng cấp các tuyến đường dây trung áp trên địa bàn.
- Phát triển hạ tầng di động, phủ sóng 4G, 5G rộng khắp xã. Phát triển internet băng rộng, truyền hình cáp. Tập trung dịch vụ số hóa cho người dân và cho chính quyền như trong ngành giáo dục, y tế, môi trường

b. Giai đoạn đến năm (2030 – 2035):

Công trình kiến trúc:

- Xây mới hệ thống hạ tầng xã hội phục vụ cấp khu vực.
- Ưu tiên đầu tư các công trình dịch vụ công cộng tại các khu vực điểm nhân trọng điểm.

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

- Xây dựng mới các tuyến đường trục ấp, thôn xóm đến các khu dân cư phát triển mới, hoàn chỉnh hệ thống giao thông xã.
- Để đáp ứng nhu cầu sử dụng nước trong công nghiệp và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thì cần đầu tư xây dựng thêm các công trình thủy lợi và cấp nước.
- Hoàn thiện hệ thống cấp thoát nước, điện, chiếu sáng và thông tin liên lạc trên toàn địa bàn xã.

10. Nguồn vốn thực hiện: Ngân sách thị xã.

Điều 2. Tổ chức thực hiện**1. Ủy ban nhân dân xã Thanh Lương**

- Tổ chức công bố, công khai đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Thanh Lương, Thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước đến năm 2035 để các tổ chức, cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan biết, thực hiện và giám sát việc thực hiện.

- Phối hợp với các cơ quan, ban, ngành và các cơ quan có liên quan tổ chức, triển khai thực hiện đúng quy hoạch được duyệt và quy định hiện hành.

2. Phòng Quản lý đô thị phối hợp UBND xã Thanh Lương công bố công khai đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xã Thanh Lương và quy định quản lý theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thị xã, Thủ trưởng các phòng: Quản lý đô thị, Tài chính – Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường, Kinh tế, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa và Thông tin; Trung tâm Y tế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Thanh Lương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- CT, PCT. UBND thị xã;
- Như Điều 4;
- LĐVP, CV (SX);
- Lưu: VT

KT. TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Dặng Hoàng Thái

